

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN: **Giáo Dục Thể Chất 2** Số Tín chỉ: **1** LỚP: **14CD-CK2**
HỌC KỲ: **II** NĂM HỌC: **2014 - 2015**

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
1	14D2010024	Mai Hoàng Anh		10	8					9	10	9.5
2	14D2010028	Hà Thanh Bình		6	6					8	8	7.6
3	14D2010032	Huỳnh Kim Châu		10	8					8	10	9.2
4	14D2010036	Nguyễn Thanh Duy		8	6					6	5	5.7
5	14D2010040	Đàng Năng Xuân		10	7					7	9	8.3
6	14D2010044	Nguyễn Vũ Xuân		7	7					7	8	7.5
7	14D2010048	Lê Đình Nhật		9	7					7	6	6.7
8	14D2010052	Trương Văn Hiến		10	7					7	8	7.8
9	14D2010056	Huỳnh Ngọc Hiếu		0	0					0	0	0.0
10	14D2010060	Nguyễn Công Hoàng		10	8					7	8	7.9
11	14D2010064	Nguyễn Minh Hùng		10	6					9	6	7.3
12	14D2010068	Lê Trọng Huy		8	8					10	8	8.6
13	14D2010072	Lê Minh Khang		10	7					7	8	7.8
14	14D2010076	Nguyễn Tuấn Kiệt		10	8					8	6	7.2
15	14D2010080	Nguyễn Hoàng Lâm		8	1					7	8	7.0
16	14D2010084	Trần Tấn Lộc		8	8					8	10	9.0
17	14D2010088	Nguyễn Tri Mẫn		6	1					7	8	6.8
18	14D2010092	Trần Thiện Minh		5	8					8	9	8.2
19	14D2010190	Bành Đại Nghĩa		10	8					7	9	8.4
20	14D2010096	Nguyễn Danh Ngọc		10	5					7	9	8.1
21	14D2010100	Trần Thanh Nhân		10	1					7	9	7.7
22	14D2010104	Đỗ Thiên Pháp		10	7					8	9	8.6
23	14D2010108	Chung Văn Phong		9	8					7	10	8.8
24	14D2010110	Trần Tân Phú		10	9					10	8	8.9
25	14D2010112	Dương Nguyễn Khánh Phương		10	8					7	8	7.9
26	14D2010116	Võ Duy Quang		9	7					8	7	7.5
27	14D2010119	Nguyễn Đoàn Sang		7	7					8	7	7.3
28	14D2010122	Lê Văn Tâm		5	7					8	0	3.6
29	14D2010125	Đào Duy Thắng		10	7					7	8	7.8
30	14D2010128	Nguyễn Thành		5	7					8	9	8.1
31	14D2010130	Phùng Quân Thành		0	0					7	0	2.1
32	14D2010131	Phạm Mạnh Thi		6	7					6	5	5.6
33	14D2010134	Nguyễn Thanh Thiên		6	7					6	5	5.6
34	14D2010137	Lê Văn Thừa		10	7					6	9	8.0
35	14D2010140	Nguyễn Thành Thương		6	7					7	8	7.4
36	14D2010143	Hoàng Minh Tiến		7	7					7	7	7.0
37	14D2010146	Võ Trung Tín		10	7					7	9	8.3
38	14D2010149	Nguyễn Văn Tới		8	7					6	9	7.8
39	14D2010152	Lộ Tiểu Bình Triệu		10	7					8	10	9.1
40	14D2010154	Nguyễn Hùng Triệu		10	8					8	9	8.7
41	14D2010155	Cao Nhật Trinh		6	6					7	10	8.3
42	14D2010161	Đỗ Đức Anh Tuấn		8	7					7	9	8.1
43	14D2010167	Nguyễn Ngọc Tường		0	0					0	0	0.0
44	14D2010170	Trần Thanh Vĩnh		8	7					8	10	8.9
45	14D2010187	Nguyễn Mộng Vương		8	8					8	7	7.5
46	14D2010173	Nguyễn Văn Vương		10	7					8	9	8.6

Yêu cầu : Khoa niêm yết cho sinh viên, lưu Giáo vụ Khoa và nộp bản chính cho Phòng TS - Đào tạo - GTVL.

Tổng danh sách có : 46 SV

Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ : 12 SV (26.09%)
 Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ : 25 SV (54.35%)
 Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ : 5 SV (10.87%)

Tổng số SV có điểm ≥ 4 đ : 42 SV (91.3%)

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	

Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ
TỔNG SỐ SV CÓ ĐIỂM KÉM <4 đ
TỔNG SỐ SV KHÔNG XẾP LOẠI vì chưa đủ điều kiện

: 0 SV (0%)
: 4 SV (8.7%)
: 0 SV (0%)

Tổng số SV có điểm < 4 đ : 4 SV (8.7%)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2015

KT TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

P.T.K.

7/10


Nguyễn Đức Thắng



Nguyễn Phú Tân

Nguyễn Tiến Dương